

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 01 – 2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát;
Ông Phạm Văn Hề.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 401/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11770/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Lan A, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 67/1 đường Nghĩa Hòa, Phường X, quận TB, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Nguyen, Thanh V, sinh năm 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ do nguyên đơn cung cấp: Số 39 Gilmore Street Rochester, NY 14605, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Lan A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V tự nguyện kết hôn năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 09/4/2018 của Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H. Sau khi kết hôn, ông Nguyen, Thanh V trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, bà Trần Thị Lan A sinh sống và làm việc tại Việt Nam, vợ chồng không sống chung. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng ít liên lạc qua lại với nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Nguyen, Thanh V không

đồng ý về Việt Nam chung sống với bà Trần Thị Lan A và ngược lại bà Trần Thị Lan Anh không đồng ý sang nước Mỹ (USA) chung sống với ông Nguyen, Thanh V. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Thị Lan A yêu cầu ly hôn ông Nguyen, Thanh V.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Lan A trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Nguyen, Thanh V:

Do ông Nguyen, Thanh V hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA) nên Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyen, Thanh V biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Nguyen, Thanh V có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V, đồng thời trình bày ý kiến của ông Nguyen, Thanh V đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lan A. Tuy nhiên, ông Nguyen, Thanh V không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Nguyen, Thanh V.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Lan A có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyen, Thanh V đã được cơ quan có thẩm quyền niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng ông Nguyen, Thanh V vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Lan A và ông Nguyễn, Thanh V, mỗi người sống một nơi, không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Lan A đối với ông Nguyễn, Thanh V. Về con chung, tài sản chung và nợ chung bà Trần Thị Lan A trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Lan A khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn, Thanh V hiện đang cư trú tại nước Mỹ (USA), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Trần Thị Lan A và bị đơn ông Nguyễn, Thanh V tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị Lan A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Nguyễn, Thanh V: Tòa án nhân dân Thành phố H đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) để niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn, Thanh V biết như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, ngày giờ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày giờ mở phiên tòa vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tòa án nhân dân Thành phố H thông báo và yêu cầu ông Nguyễn, Thanh V có văn bản trình bày về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung trong quá trình chung sống giữa bà Trần Thị Lan A và ông Nguyễn, Thanh V, đồng thời trình bày ý kiến của ông Nguyễn, Thanh V đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lan A. Tuy nhiên, ông Nguyễn, Thanh V không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nhân dân Thành phố H mặc dù các thủ tục ủy thác niêm yết, tổng đạt, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như đã nêu trên đối với ông Nguyễn, Thanh V. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lan A đối với bị đơn ông Nguyễn, Thanh V, xét thấy:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Lan A đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; đối với bị đơn ông Nguyễn, Thanh V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các

văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên được xem bị đơn ông Nguyen, Thanh V từ bỏ nghĩa vụ chứng minh theo qui định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Trần Thị Lan A cung cấp để xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 09/4/2018 do Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H cấp cho bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Trần Thị Lan A yêu cầu ly hôn ông Nguyen, Thanh V với lý do sau khi kết hôn, ông Nguyen, Thanh V trở về nước Mỹ (USA) sinh sống và làm việc, bà Trần Thị Lan A sinh sống và làm việc tại Việt Nam, vợ chồng không sống chung. Do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng ít liên lạc qua lại với nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và lối sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Nguyen, Thanh V không đồng ý về Việt Nam chung sống với bà Trần Thị Lan A và ngược lại bà Trần Thị Lan A không đồng ý sang nước Mỹ (USA) chung sống với ông Nguyen, Thanh V. Đối với ông Nguyen, Thanh V đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Nguyen, Thanh V không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lan A nên được xem bị đơn ông Nguyen, Thanh V từ bỏ nghĩa vụ chứng minh và bị đơn ông Nguyen, Thanh V cũng không có văn bản yêu cầu giải quyết việc gì đối với bà Trần Thị Lan A. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Lan A ly hôn ông Nguyen, Thanh V theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Trần Thị Lan A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Lan A trình bày tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điều 91, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lan A đối với bị đơn ông Nguyen, Thanh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lan A ly hôn ông Nguyen, Thanh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 09/4/2018 do Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H cấp cho bà Trần Thị Lan A và ông Nguyen, Thanh V không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Lan A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0093020 ngày 17/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo Bản án:

Bà Trần Thị Lan A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bà Trần Thị Lan A được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyen, Thanh V cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 (Một) năm kể từ ngày ông Nguyen, Thanh V được tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết, đăng trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại nước Mỹ (USA) hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND QTB,TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Phan Trịnh Minh Đức**

